



Đồng Nai, ngày 13 tháng 9 năm 2021

**DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2020-2021**

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC MÀM NON									
1	2118140003	CD43SMN1	Ngô Thị Phương	Liên	06/10/2000	3,31	87	Giỏi	MN K43
2	2118140016	CD43SMN1	Trần Thị	Thắm	10/06/1999	3,31	94	Giỏi	
3	2118130019	CD43STHA	Lê Duy	Hạnh	23/08/2000	3,29	93	Giỏi	TH K43
4	2118130027	CD43STHA	Lưu Hồng	Hòa	29/07/2000	3,35	93	Giỏi	
5	2118130057	CD43STHA	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	28/05/2000	3,35	84	Giỏi	
6	2118130075	CD43STHA	Nguyễn Thị Diễm	Phương	25/09/2000	3,12	90	Khá	
7	2118130089	CD43STHA	Nguyễn Phương	Thanh	06/03/2000	3,12	85	Khá	
8	2118130093	CD43STHA	Trương Thị Ngọc	Thảo	29/06/2000	3,18	84	Khá	
9	2118130099	CD43STHA	Lê Thị Hoài	Thương	19/04/2000	3,12	90	Khá	
10	2118130109	CD43STHA	Lê Hồng Bảo	Trâm	20/03/2000	3,12	85	Khá	
11	2118130072	CD43STHB	Bùi Nguyễn Huỳnh	Như	09/12/2000	3,12	83	Khá	
12	2119140020	CD44SMN1	Nguyễn Thu	Thảo	23/09/2001	3,47	88	Giỏi	MN K44
13	2119140024	CD44SMN1	Phạm Vũ Trúc	Linh	28/09/2001	3,47	88	Giỏi	
14	2119130033	CD44STHA	Lê Thị Thùy	Linh	09/12/2001	3,47	92	Giỏi	TH K44
15	2119130041	CD44STHA	Cao Ngọc	Mai	16/07/2001	3,47	92	Giỏi	
16	2119130075	CD44STHA	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	18/02/2001	3,37	93	Giỏi	
17	2119130068	CD44STHB	Nguyễn Phương	Quỳnh	05/08/2001	3,37	92	Giỏi	
18	2119130109	CD44STHA	Nguyễn Thị	Xuyến	10/04/1982	3,21	89	Giỏi	
19	2119130067	CD44STHA	Hoàng Thị Uyên	Phương	17/08/2000	3,11	92	Khá	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
20	2119130026	CD44STHB	Trần Minh	Hoàng	15/02/2001	3,11	90	Khá	
21	1171050076	DH07SMNA	Nguyễn Thị Loan	Phụng	24/02/1998	3,81	90	Xuất sắc	MN K7
22	1171050012	DH07SMNA	Phạm Thị Phương	Dung	05/01/1999	3,56	90	Giỏi	
23	1171050071	DH07SMNA	Phan Nữ	Oanh	25/02/1999	3,38	92	Giỏi	
24	1171050088	DH07SMNA	Phạm Hoàng	Thy	21/05/1999	3,31	81	Giỏi	
25	1171050085	DH07SMNB	Bùi Anh	Thư	02/07/1999	3,25	96	Giỏi	
26	1171050108	DH07SMNB	Vũ Thị Thu	Uyên	30/08/1999	3,13	95	Khá	
27	1171050056	DH07SMNA	Huỳnh Ngọc Thảo	Mi	16/09/1998	3,13	91	Khá	
28	1171050040	DH07SMNB	Nguyễn Thị	Huyền	05/09/1999	3,13	88	Khá	
29	1171070134	DH07STHB	Bùi Thị Thu	Trang	02/02/1999	4,00	100	Xuất sắc	TH K7
30	1171070081	DH07STHC	Phan Thị Thanh	Nhân	28/08/1999	4,00	100	Xuất sắc	
31	1171070061	DH07STHB	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/11/1999	4,00	98	Xuất sắc	
32	1171070077	DH07STHB	Hoàng Thị Bích	Ngọc	17/09/1999	4,00	98	Xuất sắc	
33	1171070218	DH07STHD	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	11/08/1999	4,00	98	Xuất sắc	
34	1171070027	DH07STHB	Lê Thị	Dung	22/11/1999	4,00	96	Xuất sắc	
35	1171070085	DH07STHB	Bùi Hoàng Yến	Nhi	20/12/1999	4,00	95	Xuất sắc	
36	1171070086	DH07STHC	Phan Trần Yến	Nhi	27/03/1999	3,95	98	Xuất sắc	
37	1171070046	DH07STHA	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	05/07/1999	3,95	97	Xuất sắc	
38	1171070055	DH07STHA	Phạm Thị Hoàng	Lan	30/09/1999	3,89	100	Xuất sắc	
39	1171070114	DH07STHB	Nguyễn Thị Thu	Thảo	27/12/1999	3,89	100	Xuất sắc	
40	1171070167	DH07STHD	Lê Thị Thu	Hà	01/08/1999	3,89	99	Xuất sắc	
41	1171070071	DH07STHB	Lê Thị Ngọc	Mai	09/11/1999	3,89	98	Xuất sắc	
42	1171070137	DH07STHB	Giang Hoàng	Trinh	28/02/1999	3,89	98	Xuất sắc	
43	1171070073	DH07STHC	Nghiêm Thị Thanh	Nga	28/12/1999	3,89	98	Xuất sắc	
44	1171070025	DH07STHA	Nguyễn Thụy Ngọc	Diệp	28/07/1998	3,89	96	Xuất sắc	
45	1181050011	DH08SMN1	Ngô Thị Thanh	Diễm	10/10/2000	3,44	90	Giỏi	
46	1181050046	DH08SMN1	Phạm Phương	Thảo	20/05/2000	3,44	90	Giỏi	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
47	1181050032	DH08SMN1	Phạm Thục	Như	10/01/2000	3,31	90	Giỏi	MN K8
48	1181050067	DH08SMN1	Đào Thị Thảo	Uyên	02/10/2000	3,31	90	Giỏi	
49	1181050013	DH08SMN1	Nguyễn Hoàng	Duyên	12/11/2000	3,31	82	Giỏi	
50	1181070081	DH08STHC	Nguyễn Vũ Linh	Nhi	17/10/2000	3,67	92	Xuất sắc	TH K8
51	1181070074	DH08STHA	Đỗ Trần Minh	Ngọc	04/06/2000	3,50	84	Giỏi	
52	1181070068	DH08STHB	Lê Thị Kim	Ngân	26/01/2000	3,44	92	Giỏi	
53	1181070030	DH08STHC	Lê Thị Thu	Hằng	31/03/2000	3,44	92	Giỏi	
54	1181070072	DH08STHC	Trần Văn	Nghĩa	07/01/1999	3,44	92	Giỏi	
55	1181070095	DH08STHB	Nguyễn Thị Thanh	Phương	26/10/2000	3,44	91	Giỏi	
56	1181070128	DH08STHB	Phạm Thị Kim	Thương	08/05/2000	3,44	91	Giỏi	
57	1181070091	DH08STHA	Phạm Minh	Như	17/08/2000	3,44	83	Giỏi	
58	1181070078	DH08STHC	Phạm Thị Hạnh	Nguyên	04/09/2000	3,39	80	Giỏi	
59	1181070131	DH08STHB	Nguyễn Huyền	Trang	12/11/2000	3,33	92	Giỏi	
60	1181070075	DH08STHC	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	09/07/2000	3,33	92	Giỏi	
61	1181070101	DH08STHC	Lê Thị Như	Quỳnh	29/07/2000	3,33	92	Giỏi	
62	1181070117	DH08STHC	Đặng Thị Thanh	Thảo	08/02/2000	3,33	92	Giỏi	
63	1191050007	DH09SMN1	Nguyễn Hoàng	Nhi	26/03/2001	2,90	86	Khá	MN K9
64	1191070179	DH09STHC	Lê Nguyễn Anh	Thư	04/02/2001	3,67	92	Xuất sắc	TH K9
65	1191070023	DH09STHC	Trần Thị Ngọc	Bích	28/07/1999	3,53	90	Giỏi	
66	1191070042	DH09STHB	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/03/2001	3,47	89	Giỏi	
67	1191070207	DH09STHC	Nguyễn Thị Tú	Uyên	12/01/2001	3,40	92	Giỏi	
68	1191070081	DH09STHA	Đỗ Nguyễn Phương	Linh	14/03/2001	3,33	97	Giỏi	
69	1191070080	DH09STHB	Tạ Nguyễn Thùy	Linh	06/03/2001	3,20	93	Giỏi	
70	1191070194	DH09STHB	Trần Thị Ngọc	Trâm	20/10/2000	3,20	91	Giỏi	
71	1191070064	DH09STHD	Vũ Thị Ngọc	Huyền	16/08/2001	3,20	91	Giỏi	
72	1191070157	DH09STHA	Nguyễn Thị	Thảo	21/03/2001	3,13	91	Khá	
73	1191070058	DH09STHB	Nguyễn Ngọc Như	Hiếu	13/02/2001	3,07	92	Khá	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
74	1191070046	DH09STHB	Huỳnh Thị Thu	Hà	24/02/2001	3,07	91	Khá	
75	1191070137	DH09STHA	Nguyễn Hoài	Phương	06/07/2001	3,00	95	Khá	
76	1191070098	DH09STHB	Đinh Thị Hải	Nam	22/09/2001	3,00	94	Khá	
77	1191070218	DH09STHB	Võ Thị Tường	Vy	18/03/2001	3,00	90	Khá	
78	1191070210	DH09STHB	Vũ Hoàng Thảo	Vân	03/03/2001	3,00	88	Khá	
79	1191070199	DH09STHC	Võ Thị Mỹ	Trinh	30/10/2001	2,93	90	Khá	
80	1191070124	DH09STHD	Hồ Đào Ngọc Yến	Nhi	04/12/2001	2,93	87	Khá	
81	1201050033	DH10SMN1	Phạm Thị Mỹ	Quyên	02/06/2002	3,19	80	Khá	MN K10
82	1201050043	DH10SMN1	Nguyễn Thị Kim	Thúy	15/02/2001	3,06	83	Khá	
83	1201050001	DH10SMN1	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/03/2002	3,00	80	Khá	
84	1201050035	DH10SMN1	Trần Ngọc Như	Quỳnh	09/10/2002	3,00	80	Khá	
85	1201070117	DH10STHC	Võ Lê Gia	Huy	03/12/2002	3,86	91	Xuất sắc	
86	1201070312	DH10STHE	Bùi Thị Phương	Thảo	13/10/2002	3,86	86	Giỏi	
87	1201070408	DH10STHB	Vũ Phương	Uyên	05/10/2002	3,86	80	Giỏi	
88	1201070173	DH10STHE	Vũ Kiều Mai	Lý	09/09/2000	3,71	86	Giỏi	
89	1201070169	DH10STHA	Hồ Cẩm	Loan	03/10/2002	3,71	85	Giỏi	
90	1201070422	DH10STHB	Lê Trần Tường	Vy	31/05/2000	3,57	92	Giỏi	
91	1201070129	DH10STHC	Phạm Thị Ngọc	Huyền	28/10/2002	3,57	87	Giỏi	
92	1201070391	DH10STHF	Khuất Thị Minh	Trân	04/01/2002	3,57	82	Giỏi	
93	1201070105	DH10STHC	Đặng Trung	Hiếu	26/08/2002	3,43	92	Giỏi	
94	1201070376	DH10STHC	Nguyễn Quỳnh	Trang	16/04/2002	3,43	91	Giỏi	
95	1201070016	DH10STHB	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/10/2002	3,43	88	Giỏi	
96	1201070331	DH10STHB	Trần Thị Thu	Thảo	19/04/2002	3,43	88	Giỏi	
97	1201070054	DH10STHE	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	01/06/2002	3,43	86	Giỏi	
98	1201070250	DH10STHE	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	28/02/2002	3,43	86	Giỏi	
99	1201070340	DH10STHD	Đỗ Thị Minh	Thu	03/07/2002	3,43	84	Giỏi	
100	1201070042	DH10STHG	Hoàng Ngọc	Bích	31/05/2002	3,43	84	Giỏi	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
101	1201070098	DH10STHG	Huỳnh Phúc	Hậu	07/02/2002	3,43	84	Giỏi	TH K10
102	1201070184	DH10STHB	Đoàn Thị	Minh	17/06/2002	3,43	81	Giỏi	
103	1201070036	DH10STHF	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	22/09/2002	3,29	93	Giỏi	
104	1201070170	DH10STHB	Nguyễn Bình	Luân	02/09/2002	3,29	91	Giỏi	
105	1201070136	DH10STHC	Phạm Minh	Kha	04/09/2002	3,29	89	Giỏi	
106	1201070323	DH10STHA	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/10/2002	3,29	87	Giỏi	
107	1201070395	DH10STHC	Ngô Thị Thảo	Trình	24/08/2002	3,29	85	Giỏi	
108	1201070191	DH10STHB	Tạ Vũ Hoài	Nam	10/10/2002	3,29	84	Giỏi	
109	1201070212	DH10STHA	Quách Châu Ái	Nghĩa	10/03/2002	3,29	83	Giỏi	
110	1201070100	DH10STHB	Cao Thị Thu	Hiền	10/06/2001	3,29	82	Giỏi	
111	1201070063	DH10STHG	Trần Phương Thảo	Duyên	11/11/2002	3,29	82	Giỏi	
112	1201070220	DH10STHG	Trần Thị Bảo	Ngọc	02/11/2002	3,29	82	Giỏi	
113	1201070233	DH10STHB	Nguyễn Khả	Nhi	12/12/2001	3,29	80	Giỏi	
114	1201070024	DH10STHC	Phạm Vũ Vân	Anh	26/08/2002	3,29	80	Giỏi	
115	1201070359	DH10STHB	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	31/05/2002	3,14	86	Khá	
116	1201070402	DH10STHC	Quách Đỗ Tố	Uyên	05/11/2002	3,14	85	Khá	
117	1201070386	DH10STHB	Võ Thị Đoan	Trang	06/04/2002	3,14	84	Khá	
118	1201070410	DH10STHA	Phan Thị	Vân	23/05/2002	3,14	82	Khá	
119	1201070019	DH10STHE	Nguyễn Trịnh Vân	Anh	30/06/2002	3,14	82	Khá	
120	1201070006	DH10STHF	Võ Trần Bình	An	03/11/2002	3,14	82	Khá	
121	1201070154	DH10STHG	Lê Thùy	Linh	09/05/2002	3,14	82	Khá	
KHOA SƯ PHẠM KHOA HỌC XÃ HỘI									
1	1171060052	DH07SNVA	Trần Thị Phương	Thảo	04/11/1999	3,63	91	Xuất sắc	NGŨ VĂN K7
2	1171060029	DH07SNVA	Hồ Thị Thanh	Loan	09/10/1999	3,63	90	Xuất sắc	
3	1171060036	DH07SNVA	Lê Thị Thu	Nga	24/07/1999	3,89	89	Giỏi	
4	1171060041	DH07SNVB	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyên	31/08/1999	3,63	86	Giỏi	
5	1171080007	DH07SSU1	Lương Văn	Hiếu	16/01/1999	3,67	90	Xuất sắc	SỬ K7

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
6	1181060031	DH08SNV1	Lê Thị Thùy	Trang	11/03/2000	3,88	95	Xuất sắc	NGŨ VĂN K8
7	1181060012	DH08SNV1	Nguyễn Ngọc Hoài	Linh	28/11/2000	3,88	91	Xuất sắc	
8	1191060005	DH09SNV1	Nguyễn Ngọc	Huyền	11/08/2001	3,64	85	Giỏi	NGŨ VĂN K9
9	1201060022	DH10SNV1	Dư Kim	Ngân	20/10/2002	3,23	88	Giỏi	NGŨ VĂN K10
10	1201060021	DH10SNV1	Võ Nguyễn Kim	Ngân	28/01/2002	3,08	91	Khá	
11	1201060031	DH10SNV1	Mai Thảo Chúc	Như	16/06/2002	3,08	88	Khá	
12	1201060028	DH10SNV1	Nguyễn Đỗ Yến	Nhi	24/01/2002	3,00	87	Khá	
KHOA SỬ PHẠM KHOA HỌC TỰ NHIÊN									
1	2119240006	CD44NCNT1	Nguyễn Văn	Nhật	09/11/2001	3,82	85	Giỏi	CNTT K44
2	1171020033	DH07SHO1	Nguyễn Thị Ánh	Minh	02/01/1999	3,40	95	Giỏi	HÓA K7
3	1171020008	DH07SHO1	Huỳnh Ngọc	Đức	15/02/1999	3,40	87	Giỏi	
4	1171020019	DH07SHO1	Nguyễn Thị	Hồng	14/09/1999	3,27	88	Giỏi	
5	1171030021	DH07SLY1	Nguyễn Quang	Thạch	06/12/1998	3,41	84	Giỏi	LÝ K7
6	1171010074	DH07STOB	Trần Nam	Son	30/10/1999	3,60	85	Giỏi	TOÁN K7
7	1171010072	DH07STOB	Lê Hoàng	Quân	15/08/1999	3,00	98	Khá	
8	1171010037	DH07STOA	Tạ Thị Thanh	Huệ	28/12/1999	2,93	86	Khá	
9	1171010055	DH07STOA	Võ Thị Thu	Nga	05/01/1999	2,93	83	Khá	
10	1171010095	DH07STOB	Đỗ Cao	Trí	29/11/1999	2,87	94	Khá	
11	1171010071	DH07STOA	Nguyễn Minh	Phương	08/04/1999	2,80	94	Khá	
12	1171010024	DH07STOB	Lê Xuân	Dũng	14/06/1999	2,73	96	Khá	
13	1181020015	DH08SHO1	Đồng Thị	Thu	19/09/2000	3,87	99	Xuất sắc	HÓA K8
14	1181010056	DH08STO1	Trần Mạnh	Nguyên	04/01/2000	3,74	92	Xuất sắc	TOÁN K8
15	1181010001	DH08STO1	Quách Thị Kim	Anh	07/06/2000	3,37	90	Giỏi	
16	1181010031	DH08STO1	Lương Thị Thu	Minh	10/06/2000	3,32	89	Giỏi	
17	1181010046	DH08STO1	Đặng Thị Hà	Thương	12/12/2000	3,32	89	Giỏi	
18	1191020011	DH09SHO1	Võ Tấn	Khải	06/12/2001	2,86	92	Khá	HÓA K9
19	1191010014	DH09STO1	Hồ Nguyễn Vinh	Hạnh	22/10/2001	3,16	82	Khá	TOÁN K9

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
20	1191010026	DH09STO1	Phạm Thị Uyên	Nhi	26/08/2001	2,58	83	Khá	TOÁN K9
21	1201020002	DH10SHO1	Nguyễn Thùy	Dương	25/07/2002	3,85	96	Xuất sắc	HÓA K10
22	1201020016	DH10SHO1	Đỗ Nhân	Tâm	01/01/2002	4,00	85	Giỏi	
23	1201030004	DH10SLY1	Vũ Lê Phước	Sang	22/02/1997	3,38	91	Giỏi	LÝ K10
24	1201010039	DH10STOA	Nguyễn Hồng	Nhung	04/01/2001	3,54	95	Giỏi	TOÁN K10
25	1201010060	DH10STOB	Nguyễn Thanh	Thảo	03/09/2002	3,15	90	Khá	
26	1201010073	DH10STOA	Trần Nguyễn Thu	Trúc	08/10/2002	3,08	95	Khá	
27	1201010069	DH10STOA	Trần Nhật	Thường	13/10/2002	2,69	88	Khá	
28	1201010068	DH10STOB	Nguyễn Thị Anh	Thư	27/07/2002	2,69	83	Khá	
KHOA KỸ THUẬT									
1	2119310002	CD44NDDT	Hoàng Phi	Hùng	13/11/2001	3,48	86	Giỏi	ĐĐT K44
2	2118310006	CD43NDDT	Đỗ Ngọc	Hiền	18/02/2000	2,95	89	Khá	
3	2118310021	CD43NDDT	Phan Thành	Thuận	06/10/2000	2,89	94	Khá	
KHOA NGOẠI NGỮ									
1	2118180082	CD43NTAA	Trần Ngô Thanh	Vân	26/03/1997	3,27	88	Giỏi	TA K43
2	2118180067	CD43NTAB	Lê Thị Thanh	Thảo	09/09/2000	3,20	93	Giỏi	
3	2118180033	CD43NTAA	Hoàng Thị Kim	Liên	26/02/2000	2,93	86	Khá	
4	2118180080	CD43NTAB	Nguyễn Nữ Cát	Trình	26/12/2000	2,87	76	Khá	
5	2118180038	CD43NTAB	Cao Ngọc Hoàng	Long	27/01/2000	2,73	81	Khá	
6	2118120021	CD43STA1	Nguyễn Trọng	Quán	02/04/1998	3,28	84	Giỏi	SP TA K43
7	2118120006	CD43STA1	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	08/05/2000	3,22	82	Giỏi	
8	2118120026	CD43STA1	Lê Hàn Sỹ	Thiên	21/01/1999	3,17	92	Khá	
9	2119180001	CD44NTA1	Trần Vũ Ngọc	Anh	07/10/1998	2,80	85	Khá	TA K44
10	2119180017	CD44NTA1	Lương Nguyễn Thanh	Nguyên	07/05/2001	2,60	74	Khá	
11	2119120008	CD44STA1	Nguyễn Thanh	Loan	21/07/2001	2,88	73	Khá	SP TA K44
12	1174030285	DH07NNAE	Lê Nguyễn Kim	Thanh	31/05/1996	3,67	85	Giỏi	
13	1174030035	DH07NNAA	Vũ Thị Diễm	Diễm	01/04/1999	3,67	80	Giỏi	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	DTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
14	1174030167	DH07NNAB	Ngô Thị Huỳnh	Như	13/11/1999	3,47	96	Giỏi	NNA K7
15	1174030244	DH07NNAB	Đặng Minh Thùy	Trang	05/01/1999	3,33	94	Giỏi	
16	1174030063	DH07NNAA	Trần Thị Thúy	Hằng	23/04/1999	3,33	81	Giỏi	
17	1174030210	DH07NNAB	Tổng Thị Thu	Thảo	28/05/1999	3,33	80	Giỏi	
18	1174030091	DH07NNAA	Trần Thị	Huyền	12/10/1999	3,27	85	Giỏi	
19	1174030144	DH07NNAB	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	10/11/1999	3,27	80	Giỏi	
20	1174030025	DH07NNAE	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	01/03/1999	3,20	85	Giỏi	
21	1174030068	DH07NNAE	Đồng Như	Hào	09/10/1999	3,20	85	Giỏi	
22	1174030007	DH07NNAC	Trần Ngọc Phương	Anh	29/09/1999	3,20	82	Giỏi	
23	1174030168	DH07NNAC	Phan Ngọc Lan	Như	28/10/1999	3,20	81	Giỏi	
24	1174030282	DH07NNAC	Nguyễn Hoàng Hải	Yến	23/10/1999	3,27	78	Khá	
25	1174030240	DH07NNAC	Bành Lê Bảo	Trân	20/08/1999	3,27	72	Khá	
26	1174030048	DH07NNAA	Trần Thị Kỳ	Duyên	20/09/1999	3,13	89	Khá	
27	1171120037	DH07STAA	Nguyễn Ngọc Bích	Hương	24/11/1999	3,79	81	Giỏi	SP TA K7
28	1171120141	DH07STAC	Đào Nguyễn Thùy	Trang	23/11/1999	3,71	84	Giỏi	
29	1171120120	DH07STAB	Dương Lệ	Thu	01/01/1999	3,71	82	Giỏi	
30	1171120101	DH07STAB	Nguyễn Đăng	Quyên	19/11/1998	3,50	93	Giỏi	
31	1171120070	DH07STAC	Nguyễn Hoàng Thùy	Ngân	04/12/1999	3,50	86	Giỏi	
32	1171120108	DH07STAC	Nguyễn Thị Phương	Thanh	04/04/1999	3,50	85	Giỏi	
33	1171120077	DH07STAB	Phan Trần Phương	Ngọc	11/10/1999	3,36	96	Giỏi	
34	1171120094	DH07STAC	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	03/03/1999	3,29	86	Giỏi	
35	1171120123	DH07STAC	Trần Anh	Thư	26/07/1999	3,29	86	Giỏi	
36	1171120137	DH07STAA	Đào Đặng Hà	Trang	16/03/1999	3,29	82	Giỏi	
37	1171120133	DH07STAB	Lê Duy	Tính	25/09/1999	3,29	82	Giỏi	
38	1184030193	DH08NNAA	Lê Hà Như	Quỳnh	01/12/2000	3,25	82	Giỏi	
39	1184030131	DH08NNAE	Mai Tuyết	Ngân	21/05/2000	3,25	74	Khá	
40	1184030310	DH08NNAF	Đinh Thị Ngọc	Hiền	01/03/1998	3,25	70	Khá	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	DRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
41	1184030112	DH08NNAD	Nguyễn Thành	Long	15/11/2000	3,13	85	Khá	NNA K8
42	1184030219	DH08NNAC	Nguyễn Hoàng Giang	Thảo	14/12/2000	3,13	71	Khá	
43	1184030261	DH08NNAC	Lê Ngọc	Trâm	02/04/2000	3,13	67	Khá	
44	1184030265	DH08NNAA	Nguyễn Bạch Thùy	Trân	04/05/2000	3,00	78	Khá	
45	1184030086	DH08NNAB	Nguyễn Hoàng Như	Huyền	15/06/2000	3,00	75	Khá	
46	1184030114	DH08NNAF	Phạm Minh	Long	28/04/2000	2,88	90	Khá	
47	1184030305	DH08NNAE	Phạm Thành	Ý	02/08/2000	2,88	82	Khá	
48	1184030248	DH08NNAB	Vũ Hoàng Thanh	Trang	01/09/2000	2,88	81	Khá	
49	1184030148	DH08NNAD	Đinh Ngọc Yến	Nhi	03/11/2000	2,88	77	Khá	
50	1184030083	DH08NNAE	Huỳnh Gia	Huy	08/10/2000	2,88	74	Khá	
51	1184030218	DH08NNAB	Vũ Thị Phương	Thảo	23/08/2000	2,88	71	Khá	
52	1184030111	DH08NNAC	Hồ Thị Mai	Linh	15/03/2000	2,88	71	Khá	
53	1184030120	DH08NNAF	Châu Thanh	Minh	08/06/2000	2,75	80	Khá	
54	1184030176	DH08NNAB	Trần Thị Tuyết	Như	28/10/2000	2,75	79	Khá	
55	1184030242	DH08NNAB	Lai Kim	Thy	06/10/2000	2,75	79	Khá	
56	1184030031	DH08NNAA	Lê Vy	Dung	08/06/2000	2,75	77	Khá	
57	1184030002	DH08NNAB	Bùi Thị Thúy	An	20/09/2000	2,75	73	Khá	
58	1181120009	DH08STAA	Phùng Thị Khánh	Duy	09/09/2000	3,33	87	Giỏi	SP TA K8
59	1181120001	DH08STAA	Trần Thị Trâm	Anh	04/07/2000	3,13	94	Khá	
60	1181120068	DH08STAB	Trần Thị Phương	Thảo	24/12/2000	3,13	71	Khá	
61	1181120006	DH08STAB	Bùi Thị Hoàng	Ánh	22/12/2000	3,13	68	Khá	
62	1181120083	DH08STAA	Đỗ Thành	Trung	05/07/2000	3,00	94	Khá	
63	1181120031	DH08STAA	Nguyễn Quang	Huynh	20/08/2000	3,00	80	Khá	
64	1181120063	DH08STAA	Lăng Thị Hồng	Tiên	17/01/2000	3,00	69	Khá	
65	1181120090	DH08STAB	Nguyễn Thị Hải	Yến	10/05/2000	3,00	69	Khá	
66	1194030325	DH09NNAE	Phan Thanh	Trà	25/05/2001	3,37	81	Giỏi	
67	1194030124	DH09NNAD	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	06/10/2001	3,32	90	Giỏi	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	DTB HT	DRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
68	1194030312	DH09NNAH	Nguyễn Phạm Anh	Thư	21/09/2001	3,32	81	Giỏi	NNA K9
69	1194030242	DH09NNAB	Khuong Thu	Quỳnh	29/10/2001	3,26	85	Giỏi	
70	1194030199	DH09NNAG	Nguyễn Thị Bích	Nhi	21/09/2001	3,26	85	Giỏi	
71	1194030100	DH09NNAD	Đỗ	Hùng	01/09/2001	3,26	81	Giỏi	
72	1194030082	DH09NNAB	Nguyễn Thị Trung	Hậu	02/02/2001	3,21	91	Giỏi	
73	1194030002	DH09NNAA	Trương Đức	Anh	14/03/2001	3,68	72	Khá	
74	1194030026	DH09NNAB	Đoàn Ngọc Hồng	Ân	27/01/2001	3,58	77	Khá	
75	1194030313	DH09NNAA	Nguyễn Minh	Thư	20/09/2001	3,58	76	Khá	
76	1194030098	DH09NNAB	Phan Nguyễn Bích	Hồng	17/01/2001	3,42	74	Khá	
77	1194030252	DH09NNAD	Trần Mỹ	Tiên	19/09/2001	3,37	76	Khá	
78	1194030282	DH09NNAB	Ngô Thùy Phương	Thảo	10/07/2001	3,32	75	Khá	
79	1194030189	DH09NNAE	Lê Phú	Nguyễn	19/06/2001	3,26	65	Khá	
80	1194030118	DH09NNAF	Phạm Bảo	Kha	21/11/2001	3,21	73	Khá	
81	1194030253	DH09NNAE	Đoàn Xuân Thủy	Tiên	09/08/2001	3,21	72	Khá	
82	1194030254	DH09NNAF	Trần Thị Thủy	Tiên	16/07/2001	3,16	71	Khá	
83	1194030005	DH09NNAE	Phùng Mai	Anh	13/01/2001	3,16	65	Khá	
84	1194030128	DH09NNAG	Lê Thị Thủy	Linh	21/10/2001	3,11	89	Khá	
85	1194030295	DH09NNAG	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/01/2001	3,11	88	Khá	
86	1194030121	DH09NNAA	Nguyễn Minh	Khoa	22/04/2001	3,11	72	Khá	
87	1194030221	DH09NNAE	Phan Trang Diễm	Phúc	07/01/2001	3,11	68	Khá	
88	1194030349	DH09NNAE	Nguyễn Hoàng Đan	Uyên	06/06/2001	3,11	68	Khá	
89	1194030239	DH09NNAG	Nguyễn Hoàng	Quân	16/09/2001	3,05	90	Khá	
90	1194030035	DH09NNAC	Huỳnh Thị Kim	Châu	26/07/2001	3,05	85	Khá	
91	1194030130	DH09NNAC	Thân Thị Mỹ	Linh	07/10/2001	3,05	70	Khá	
92	1194030166	DH09NNAF	Nguyễn Thị Hằng	Nga	09/07/2000	3,05	70	Khá	
93	1191120067	DH09STAA	Lê Quỳnh	Nhi	20/05/2001	3,30	83	Giỏi	
94	1191120056	DH09STAB	Nguyễn Ngọc Trà	My	15/06/2001	3,25	87	Giỏi	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	DTB HT	DRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
95	1191120026	DH09STAB	Phạm Quang	Đức	09/07/2001	3,20	81	Giỏi	SP TA K9
96	1191120083	DH09STAB	Phan Thị Lệ	Quyên	02/02/2001	3,10	72	Khá	
97	1191120079	DH09STAA	Vĩnh Bảo	Phú	30/12/2001	3,05	90	Khá	
98	1191120061	DH09STAA	Lê Thị Bảo	Ngọc	20/09/2001	2,95	80	Khá	
99	1191120087	DH09STAC	Lương Hoàng	Sơn	26/01/2001	2,90	65	Khá	
100	1191120025	DH09STAA	Nguyễn Tiến	Đạt	02/01/2001	2,85	68	Khá	
101	1204030200	DH10NNAF	Trần Anh	Thư	08/03/2002	3,21	93	Giỏi	NNA K10
102	1204030025	DH10NNAF	Dương Ngọc Thái	Bình	26/12/2000	3,47	68	Khá	
103	1204030221	DH10NNAC	Phan Đức	Trí	10/05/2002	3,32	70	Khá	
104	1204030179	DH10NNAC	Nguyễn Nguyên	Thảo	07/01/2001	3,32	67	Khá	
105	1204030077	DH10NNAD	Nguyễn Nhật Minh	Hiếu	15/03/2000	3,21	76	Khá	
106	1204030038	DH10NNAA	Nguyễn Thị Vân	Dung	19/09/2002	3,21	73	Khá	
107	1204030079	DH10NNAF	Võ Thị Minh	Hòa	24/11/2002	3,16	87	Khá	
108	1204030111	DH10NNAB	Nguyễn Đại	Lộc	05/10/2002	3,16	66	Khá	
109	1204030033	DH10NNAB	Đỗ Thành	Danh	09/05/2002	3,11	70	Khá	
110	1204030023	DH10NNAD	Phạm Khánh	Băng	02/06/2000	3,11	69	Khá	
111	1204030004	DH10NNAD	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	28/10/2002	3,11	65	Khá	
112	1204030009	DH10NNAC	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	28/12/2002	3,00	68	Khá	
113	1204030215	DH10NNAC	Trịnh Thùy	Trang	29/10/2002	3,00	65	Khá	
114	1204030024	DH10NNAE	Trương Ngọc	Bích	04/09/2002	2,95	81	Khá	
115	1204030123	DH10NNAB	Nguyễn Thanh	Ngân	03/06/2002	2,89	70	Khá	
116	1204030060	DH10NNAE	Mai Hoàng Thái	Hà	15/03/2002	2,89	68	Khá	
117	1204030006	DH10NNAF	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/02/2002	2,89	67	Khá	
118	1204030224	DH10NNAF	Nguyễn Bình	Triệu	23/04/2002	2,84	77	Khá	
119	1204030037	DH10NNAF	Chu Thị Hiền	Diệu	10/06/2002	2,84	72	Khá	
120	1204030176	DH10NNAD	Mai Cát	Tường	14/11/2002	2,84	70	Khá	
121	1201120055	DH10STAC	Phan Trung	Kiên	10/12/2000	3,56	85	Giỏi	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	DTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
122	1201120097	DH10STAA	Trần Lê Thao	Nguyễn	17/11/2002	3,56	84	Giỏi	SPTA K10
123	1201120002	DH10STAB	Trần Nguyễn Quốc	An	11/03/2002	3,33	80	Giỏi	
124	1201120159	DH10STAC	Trần Văn	Trí	07/09/2002	3,22	80	Giỏi	
125	1201120073	DH10STAA	Nguyễn Thị Thanh	Mai	13/02/2002	3,89	70	Khá	
126	1201120093	DH10STAA	Phạm Hoàng Như	Ngọc	02/06/2002	3,89	67	Khá	
127	1201120025	DH10STAA	Nguyễn Ngọc Hải	Đông	06/07/2002	3,44	79	Khá	
128	1201120053	DH10STAA	Hoàng Trung	Kiên	24/10/2002	3,33	78	Khá	
129	1201120058	DH10STAB	Huỳnh Minh	Khoa	20/09/2002	3,33	71	Khá	
130	1201120028	DH10STAD	Trần Vũ Hương	Giang	01/01/2002	3,33	71	Khá	
131	1201120161	DH10STAA	Phạm Cao Lan	Trinh	14/11/2002	3,33	68	Khá	
132	1201120003	DH10STAC	Vũ Hoàng Thảo	An	19/02/2002	3,22	74	Khá	
133	1201120100	DH10STAD	Ngô Thị Yến	Nhi	01/12/2002	3,22	71	Khá	
134	1201120133	DH10STAA	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	05/03/1998	3,22	66	Khá	
135	1201120098	DH10STAB	Quang Kim Bảo	Nhân	15/07/2002	3,22	66	Khá	
136	1201120099	DH10STAC	Huỳnh Nữ Ái	Nhi	24/06/2002	3,22	66	Khá	
KHOA TỔNG HỢP									
1	2118190005	CD43NQVP1	Ngô Thị	Hào	17/02/2000	3,67	94	Xuất sắc	QTVP K43
2	2118190008	CD43NQVP1	Ngô Thị	Huyền	17/02/2000	3,17	89	Khá	
3	2119190001	CD44NQVP1	Nguyễn Phan Hoàng	Diệu	17/04/2001	3,24	88	Giỏi	QTVP K44
4	1194040007	DH09NMT1	Đặng Thúy	Huyền	03/10/2001	2,55	83	Khá	MT K9
5	1204050017	DH10NQD1	Bùi Nhật	Tiến	30/04/2002	3,23	92	Giỏi	QLĐĐ K10
6	1204050003	DH10NQD1	Lê Trần Thái	Hoàng	28/09/2002	2,85	83	Khá	
KHOA KINH TẾ									
1	2118220023	CD43NKT1	Đặng Thị Ngọc	Phương	12/07/2000	4,00	93	Xuất sắc	KẾ TOÁN K43
2	2118220029	CD43NKT1	Đỗ Thị Ngọc	Thanh	12/04/2000	3,27	93	Giỏi	
3	2118220017	CD43NKT1	Hoàng Thị Trà	My	28/06/2000	3,09	82	Khá	
4	2118210032	CD43NQKD1	Mai Thị Tuyết	Ngân	10/07/1995	4,00	94	Xuất sắc	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	DTB HT	DRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
5	2118210067	CD43NQKD1	Trần Hữu	Tuấn	20/09/1998	3,79	94	Xuất sắc	QTKD K43
6	2118210005	CD43NQKD1	Trần Minh	Chiến	23/10/1997	3,64	91	Xuất sắc	
7	2119220009	CD44NKT1	Lê Thị Thu	Ngân	12/07/2001	3,35	90	Giỏi	KẾ TOÁN K44
8	2119220017	CD44NKT1	Đặng Thị Thu	Trang	16/11/2001	2,85	87	Khá	
9	2119210010	CD44NQKD1	Kiều Thị Thúy	Hường	12/07/2000	3,70	95	Xuất sắc	QTKD K44
10	2119210025	CD44NQKD1	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	20/07/1999	3,70	90	Xuất sắc	
11	1174010132	DH07NKTA	Nguyễn Huyền	Trang	02/09/1998	3,81	95	Xuất sắc	KẾ TOÁN K7
12	1174010053	DH07NKTA	Lê Thị Mỹ	Liều	20/02/1999	3,81	91	Xuất sắc	
13	1174010037	DH07NKTA	Nguyễn Thị Bích	Hồng	08/12/1999	3,63	96	Xuất sắc	
14	1174010147	DH07NKTB	Đào Thị Thanh	Vân	08/11/1999	4,00	87	Giỏi	
15	1174010028	DH07NKTB	Trịnh Thị	Hằng	17/11/1999	3,81	85	Giỏi	
16	1174010142	DH07NKTA	Vũ Ngọc Thảo	Uyên	03/08/1999	3,81	82	Giỏi	
17	1174010045	DH07NKTB	Trịnh Thu	Huyền	06/04/1999	3,75	87	Giỏi	
18	1174010050	DH07NKTB	Đặng Thị Ngọc	Lan	14/05/1999	3,63	85	Giỏi	
19	1174010131	DH07NKTA	Ngô Đình Thanh	Trang	27/07/1999	3,63	81	Giỏi	
20	1174020175	DH07NQKA	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	14/02/1999	3,33	84	Giỏi	QTKD K7
21	1174020118	DH07NQKB	Vũ Thị Phương	Thảo	23/04/1999	3,17	83	Khá	
22	1174020041	DH07NQKA	Mai Thị Mỹ Lệ	Hằng	08/03/1999	3,00	99	Khá	
23	1174020051	DH07NQKB	Võ Thị	Hoa	15/07/1999	3,00	93	Khá	
24	1174020023	DH07NQKA	Thạch Thị Xuân	Đào	03/01/1999	3,00	83	Khá	
25	1174020134	DH07NQKB	Trần Thị	Thương	27/05/1999	2,83	85	Khá	
26	1174020030	DH07NQKA	Vũ Thị Ánh	Dương	14/01/1999	2,67	94	Khá	
27	1174020111	DH07NQKA	Hứa Ngọc Phương	Thanh	12/08/1999	2,67	84	Khá	
28	1174020109	DH07NQKB	Nguyễn Thị	Thắm	01/01/1999	2,67	82	Khá	
29	1174020021	DH07NQKA	Nguyễn Thảo	Chi	05/12/1999	2,67	74	Khá	
30	1174020055	DH07NQKA	Thạch Thị	Hương	10/05/1999	2,50	94	Khá	
31	1184010046	DH08NKTA	Nguyễn Thị	Hiếu	16/04/2000	4,00	93	Xuất sắc	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	DTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
32	1184010168	DH08NKTC	Lông Thị Huyền	Trang	09/03/2000	4,00	90	Xuất sắc	KẾ TOÁN K8
33	1184010048	DH08NKTC	Đào Thanh	Hoa	15/10/2000	3,83	90	Xuất sắc	
34	1184010056	DH08NKTB	Lê Thị Thu	Huyền	30/04/2000	3,78	92	Xuất sắc	
35	1184010145	DH08NKTA	Trần Thị	Thảo	26/08/2000	3,72	90	Xuất sắc	
36	1184010155	DH08NKTB	Hồ Ngọc	Thủy	05/04/2000	3,61	91	Xuất sắc	
37	1184010049	DH08NKTA	Phan Thị Quỳnh	Hoa	05/02/2000	3,56	94	Giỏi	
38	1184010187	DH08NKTA	Nguyễn Trần Thảo	Vy	18/06/2000	3,56	89	Giỏi	
39	1184010191	DH08NKTB	Phan Thị Hải	Yến	08/03/2000	3,56	89	Giỏi	
40	1184010144	DH08NKTC	Đinh Thị Thanh	Thảo	29/10/2000	3,56	82	Giỏi	
41	1184010163	DH08NKTA	Trần Song	Thương	09/11/2000	3,50	92	Giỏi	
42	1184010120	DH08NKTC	Đỗ Thanh	Phương	09/06/2000	3,50	88	Giỏi	
43	1184010039	DH08NKTC	Trương Lê Công	Hậu	16/10/2000	3,44	87	Giỏi	
44	1184020118	DH08NQKA	Vòng Khánh	Nhi	01/08/2000	3,68	90	Xuất sắc	QTKD K8
45	1184020142	DH08NQKA	Phạm Thị Mai	Phương	21/05/2000	3,84	89	Giỏi	
46	1184020049	DH08NQKA	Hoàng Bích	Hằng	30/04/2000	3,74	86	Giỏi	
47	1184020127	DH08NQKA	Trương Ngọc	Nhung	12/10/2000	3,58	90	Giỏi	
48	1184020223	DH08NQKA	Nguyễn Khắc	Trương	01/01/2000	3,58	90	Giỏi	
49	1184020120	DH08NQKC	Nguyễn Uyên	Nhi	08/06/2000	3,53	94	Giỏi	
50	1184020101	DH08NQKB	Dương Ngọc	Nghi	22/10/2000	3,53	92	Giỏi	
51	1184020133	DH08NQKA	Nguyễn Quỳnh	Như	17/07/2000	3,53	89	Giỏi	
52	1184020208	DH08NQKA	Võ Ngọc Thùy	Trang	01/03/2000	3,53	86	Giỏi	
53	1184020221	DH08NQKB	Hoàng Nguyễn Phương	Trinh	30/08/2000	3,53	86	Giỏi	
54	1184020218	DH08NQKB	Dương Huyền	Trân	31/05/2000	3,53	85	Giỏi	
55	1184020235	DH08NQKA	Nguyễn Hoàng	Linh	01/01/2000	3,42	86	Giỏi	
56	1184020220	DH08NQKB	Đỗ Thị Mai	Trinh	31/01/2000	3,37	88	Giỏi	
57	1184020192	DH08NQKC	Nguyễn Chiến	Thắng	20/01/2000	3,37	86	Giỏi	
58	1184020160	DH08NQKA	Lê Thanh	Tâm	20/06/2000	3,37	85	Giỏi	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	DTB HT	DPL	Xếp Loại HB	Ghi chú
59	1194010055	DH09NKTC	Trần Thị Thanh	Huyền	21/12/2001	3,82	95	Xuất sắc	KẾ TOÁN K9
60	1194010074	DH09NKTB	Nguyễn Nam	Khánh	31/10/2001	3,65	99	Xuất sắc	
61	1194010190	DH09NKTB	Lê Thị Quỳnh	Trang	31/10/2001	3,65	93	Xuất sắc	
62	1194010056	DH09NKTD	Lê Trần Ngọc	Huyền	21/12/2001	3,82	80	Giỏi	
63	1194010141	DH09NKTD	Dương Thị	Phuong	06/04/2001	3,65	87	Giỏi	
64	1194010186	DH09NKTB	Đỗ Ngọc Hoài	Thương	02/05/2001	3,47	95	Giỏi	
65	1194010066	DH09NKTB	Lê Thị Mai	Hương	11/02/2001	3,47	93	Giỏi	
66	1194010088	DH09NKTD	Dương Thị	Loan	06/04/2001	3,47	87	Giỏi	
67	1194010064	DH09NKTD	Phạm Thị Kim	Huỳnh	30/09/2001	3,47	80	Giỏi	
68	1194010153	DH09NKTA	Hoàng Anh	Tam	21/08/2001	3,29	88	Giỏi	
69	1194010213	DH09NKTA	Nguyễn Thị Phương	Uyên	13/12/2001	3,29	86	Giỏi	
70	1194010138	DH09NKTB	Nguyễn Hoàng Lan	Phuong	04/09/2001	3,29	83	Giỏi	
71	1194010176	DH09NKTD	Phạm Thị Thanh	Thủy	11/11/2001	3,29	80	Giỏi	
72	1194010091	DH09NKTC	Hồ Thị Cẩm	Ly	06/12/2001	3,12	92	Khá	
73	1194010023	DH09NKTC	Trương Mỹ	Duyên	18/04/2001	3,12	91	Khá	
74	1194010181	DH09NKTA	Dương Ngọc Minh	Thư	31/07/2001	3,12	86	Khá	
75	1194020129	DH09NQKA	Vũ Thị Thảo	Nguyên	08/10/2001	3,82	90	Xuất sắc	QTKD K9
76	1194020034	DH09NQKB	Nguyễn Trần Ngọc	Diễm	30/10/2001	3,71	98	Xuất sắc	
77	1194020170	DH09NQKB	Trần Ngọc Thủy	Tiên	10/12/2001	3,71	95	Xuất sắc	
78	1194020189	DH09NQKA	Nguyễn Ngọc	Thắng	23/09/2001	3,65	94	Xuất sắc	
79	1194020151	DH09NQKA	Trần Kiều	Oanh	20/09/2001	3,65	92	Xuất sắc	
80	1194020253	DH09NQKA	Nguyễn Hải	Yến	02/06/2001	3,65	90	Xuất sắc	
81	1194020191	DH09NQKC	Đặng Xuân	Thị	14/11/2001	3,47	91	Giỏi	
82	1194020181	DH09NQKA	Nguyễn Ngọc Huyền	Thanh	18/03/2001	3,35	87	Giỏi	
83	1194020200	DH09NQKD	Vũ Thị Thu	Thùy	15/04/2001	3,35	85	Giỏi	
84	1194020192	DH09NQKD	Nguyễn Thiên	Thiên	19/05/2001	3,35	82	Giỏi	
85	1194020102	DH09NQKB	Trần Cẩm	Ly	12/09/2000	3,18	90	Khá	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
86	1194020082	DH09NQKB	Trần Phạm Thu	Hương	05/07/2001	3,12	90	Khá	
87	1194020021	DH09NQKA	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/11/2001	3,00	87	Khá	
88	1194020183	DH09NQKC	Nguyễn Công	Thành	10/02/2001	3,00	82	Khá	
89	1194020247	DH09NQKC	Nguyễn Trần Khánh	Vy	06/08/2001	2,82	86	Khá	
90	1194020051	DH09NQKC	Trịnh Nguyễn Hồng	Hải	21/02/2001	2,82	80	Khá	
91	1194020165	DH09NQKA	Phạm Thị Như	Quỳnh	19/02/2001	2,65	87	Khá	
92	1194020155	DH09NQKC	Nguyễn Đức	Phúc	11/08/2001	2,65	87	Khá	
93	1204010153	DH10NKTD	Lê Nguyễn Thanh	Tâm	16/01/2002	3,85	90	Xuất sắc	KẾ TOÁN K10
94	1204010131	DH10NKTB	Phạm Hà Hồng	Nhung	18/10/2002	3,69	82	Giỏi	
95	1204010073	DH10NKTD	Phạm Thị Thanh	Huyền	18/03/2002	3,31	96	Giỏi	
96	1204010036	DH10NKTC	Nguyễn Thị	Giang	21/05/2002	3,31	84	Giỏi	
97	1204010204	DH10NKTC	Đào Vi	Trúc	07/02/2002	3,23	90	Giỏi	
98	1204010121	DH10NKTD	Đàm Ánh	Nguyệt	09/02/2002	3,00	85	Khá	
99	1204010078	DH10NKTB	Nguyễn Thị Lan	Hương	12/07/2002	3,00	74	Khá	
100	1204010042	DH10NKTC	Đỗ Vũ Ngọc	Hà	22/04/2002	2,92	76	Khá	
101	1204010217	DH10NKTD	Lâm Tường	Vy	13/10/2002	2,77	87	Khá	
102	1204010054	DH10NKTA	Trần Thị Mỹ	Hân	25/01/2002	2,77	85	Khá	
103	1204010033	DH10NKTD	Nguyễn Hồng	Diệp	02/10/2002	2,77	85	Khá	
104	1204010085	DH10NKTD	Nguyễn Hoàng Thanh	Lan	20/03/2002	2,77	85	Khá	
105	1204010046	DH10NKTA	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13/05/2002	2,77	84	Khá	
106	1204010081	DH10NKTD	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	29/10/2002	2,77	80	Khá	
107	1204010105	DH10NKTD	Trần Thị Hà	My	16/10/2002	2,77	80	Khá	
108	1204010080	DH10NKTA	Nguyễn Ngọc	Kiều	31/05/2002	2,77	73	Khá	
109	1204010113	DH10NKTC	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16/10/2002	2,77	73	Khá	
110	1204010098	DH10NKTA	Hoàng Nam	Long	03/07/2002	2,77	66	Khá	
111	1204010150	DH10NKTA	Trần Thị Như	Quỳnh	18/12/2002	2,69	81	Khá	
112	1204010161	DH10NKTC	Trần Thị Tiểu	Thanh	12/04/2002	2,69	73	Khá	

STT	MSSV	Lớp SV	Họ và tên		Ngày Sinh	ĐTB HT	ĐRL	Xếp Loại HB	Ghi chú
113	1204020159	DH10NQKC	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	12/07/2002	3,69	80	Giỏi	QTKD K10
114	1204020148	DH10NQKD	Nguyễn Hoàng Ái	Như	12/02/2002	3,54	81	Giỏi	
115	1204020009	DH10NQKB	Vì Lê Hồng	Anh	05/07/2002	3,31	81	Giỏi	
116	1204020039	DH10NQKC	Dương Huỳnh	Giang	09/09/2002	3,31	80	Giỏi	
117	1204020051	DH10NQKC	Phạm Diệu	Hiền	09/09/2002	3,23	92	Giỏi	
118	1204020165	DH10NQKA	Nguyễn Minh	Tâm	10/08/2002	3,23	89	Giỏi	
119	1204020134	DH10NQKB	Trịnh Vũ Phương	Nhi	30/03/2001	3,23	81	Giỏi	
120	1204020220	DH10NQKB	Phạm Vũ Thanh	Trang	11/08/2002	3,23	81	Giỏi	
121	1204020143	DH10NQKC	Phan Tuyết	Nhung	30/09/2002	3,15	82	Khá	
122	1204020003	DH10NQKC	Lâm Thị Phương	Anh	13/06/2001	3,15	81	Khá	
123	1204020036	DH10NQKD	Nguyễn Việt	Đức	02/08/2002	3,08	83	Khá	
124	1204020245	DH10NQKC	Hoàng Diệu Thảo	Vy	19/10/2002	3,08	66	Khá	
125	1204020106	DH10NQKB	Vũ Thị	Mai	08/02/2002	3,00	91	Khá	
126	1204020194	DH10NQKA	Nguyễn Thị Thanh	Thu	21/11/2002	3,00	88	Khá	
127	1204020253	DH10NQKC	Tsan Kim	Yến	20/06/2002	3,00	80	Khá	
128	1204020024	DH10NQKD	Trần Trí	Dũng	08/04/2002	3,00	73	Khá	
129	1204020116	DH10NQKD	Nguyễn Minh	Ngân	27/01/2002	3,00	73	Khá	
130	1204020191	DH10NQKB	Liêu Kim	Thoa	14/03/2002	3,00	70	Khá	
131	1204020169	DH10NQKD	Trương Đình	Toán	05/12/2002	2,92	71	Khá	
132	1204020079	DH10NQKC	Mai Thị Thanh	Hương	16/03/2002	2,85	86	Khá	

Danh sách gồm 438 sinh viên./.